



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – NEWBUILDING – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No. 32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel : 08 37817289 Fax : 08 37817375

www.pioneershipbrokers.com.vn

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Tuần **02/2015**

1. Thị trường tàu đã qua sử dụng :

Danh sách tàu được ghi nhận bán trong tuần qua :

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
<i>Bulkers</i>						
Nordtramp	2001	Japan	171,199	Chinese	17.50	
Shin-Sakaide	2000	Japan	91,443	Undisclosed	10.00	Coal carrier, SS+DD freshly passed
Thalasa	2003	Japan	76,945	Chinese	13.00	
Medi Taipei	2003	Japan	76,633	Undisclosed		
Anangel Omonia	1996	Korea	73,519	Chinese	6.60	SS+DD due Jan 2015
Verdi	2007	China	58,758	Technomar	15.00	Blt at Tsuneishi Zhoushan
Diamond Ocean	2007	Japan	31,931	European	11.50	Fail to sell at usd 14m at Nov 2014, SS Jul 2017 DD Aug 2015
Venture Bulker	2004	Japan	29,870	Greek	8.50	SS+DD passed July 2014
Seminole Princess	1997	China	29,516	Undisclosed	5.30	Cr 5x30t, USA owner
Laguna Belle	1996	China	29,458		4.70	Cr 5x30t, USA owner
Ocean Star	1993	Japan	28,499	Chinese	3.65	Chinese owner, SS Jun 2018 DD Apr 2016
Leyden	1995	Japan	27,850	Undisclosed	5.10	SS+DD due Mar 2015
Ho Mao	1996	Japan	24,290	Chinese	4.50	SS+DD Apr 2016, CR (non-IACS class)
<i>Tankers</i>						
Yangtze Friendship	2008	Japan	310,444	New Enterprise	61.80	
Mare Aegeum	2008	Japan	110,295	Trade & Transport	38.00	
Vemaspirit	1997	Japan	107,169	Undisclosed	12.00	
Resale	2015	Korea	50,300	Hongkong, Parakou	37.00	
Chemtrans Petri	2000	Japan	47,228	Switzerland, Vitol	12.00	
Challenge Premier	2005	Japan	45,897	Undisclosed	16.00	BBC back at US\$ 6500 pd for 3 yrs
Maersk Claire	1996	Korea	45,014	Undisclosed	8.00	
Maersk Chritianbro	1996	Romania	44,885	Indian	8.00	Chemical IMO II/III, epoxy coated

Global Neptune	2004	Japan	13,034	U.S.A.	12.50	Chemical IMO II/II, stainless, waiting for deposit
Nordic Stockholm	2007	Korea	12,987	Undisclosed	11.00	IMO II/III, phenolic epoxy
Nordic Copenhagen	2005	Korea	12,987	Undisclosed	10.00	IMO II/III, phenolic epoxy
Container						
MSC Cristina	2011	Korea	141,184	Navios	147.80	13,092 teu, incl 12 yrs TC at US\$ 60,275 pd
STX Resale	2015	Korea	84,000	Undisclosed	87.00	3 units
Victoria Bridge	2005	Korea	65,006	Undisclosed	15.60	4,738 teu
Valencia Bridge	2004	Korea	65,006		15.60	4,738 teu
Virginia Bridge	2004	Korea	65,006		15.60	4,738 teu
RDO Harmony	2006	Korea	55,495	European		4,132 teu
RDO Honour	2006	Korea	55,483			4,132 teu
Hammonia Africum	1997	Korea	34,670	Singaporean, OEL		2,959 teu
Northern Enterprise	2001	Korea	33,836	Borealis	7.20	2,456 teu
Jula S	2005	Germany	33,796	Turkish	12.50	2,474 teu
Borkum Trader	1998	Germany	33,796	Koenig	6.00	2,474 teu
Theodor Storm	2004	Singapore	33,297	Costamare	8.20	2,586 teu
SITC Shanghai	2002	Japan	12,696	Chinese	3.40	Chinese owner, 847 teu, gless, B&W ME
Others						
Gas Cathar	2001	Japan		Undisclosed	14.20	LPG 7669 cbm, incl 4 yrs BBC
Methane Julia Louise	2010	Korea		Greek, Gaslog	460.00	LNG 167416 cbm
Methane Becki Anne	2010	Korea				LNG 167416 cbm
Golar Eskimo	2014	Korea		Bermuda	390.00	LNG 160000 cbm

2. Thị trường tàu đóng mới :

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua :

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulker	36,000 dwt	27.00	4+2	Yangzijiang, CHN	Polish Steamship, POL	2017	
Container	20,000 teu	155.0	4	Samsung, KOR	Costamare, GR	2017	Long term charter to MOL
Container	20,000 teu	155.0	2	Imabari, JPN	Shoei Kisen, JPN	2017	Long term charter to MOL
Container	19,200 teu	150.0	3	Samsung, KOR	Quantum Scorpio Box, MON	2016	Exercised options
Container	10,000 teu	84.5	2	Jiangsu Yangzi Xinfu, CHN	Seaspan Ship Mgmt	2017	Exercised options
Tanker	115,000 dwt	51.7	2	Shanghai Waigaoqiao, CHN	Hongkong	2017	
LNG	173,400 cbm	209.0	2	DSME, KOR	Maran Gas, GR	2018	
Heavy-lift vessels	28,000 dwt	46.60	4+2	Hudong Zhonghua & Shanghai, CHN	Cosco, CHN	2016-2017	

3.1 Thị trường thuê tàu dầu:

Thị trường dầu thô: Kết thúc một tuần cuối cùng khá ổn định của năm vừa qua và một năm mới chính thức được bắt đầu cho các chủ tàu. Các hoạt động giao dịch diễn ra khá sôi động, đặc biệt tại khu vực Meg, cước vẫn được duy trì ổn định kết hợp với giá nhiên liệu giảm mạnh do sự sụt giảm không phanh của giá dầu thô thế giới. Cụ thể như cước trên tuyến Meg đi khu vực phía Đông đang giao động quanh mức \$50,000/ngày đến \$70,000/ngày. Theo đánh giá, cước tại thị trường Meg đang ở mức ổn định do các giao dịch tại khu vực này vẫn diễn ra khá sôi động. Hiện tại, thị trường West Africa có phần khá ảm đạm hơn, tuy nhiên chỉ mang tính chất tạm thời. Trong khi đó, thị trường Caribbean vẫn duy trì được thế vững chắc do hiện tại ở khu vực này nguồn cung tàu sẵn có đang ở mức thấp. Thị trường tàu Suezmax khá ảm đạm trong suốt tuần lễ Giáng sinh, tuy nhiên các hoạt động giao dịch trong tháng 1 đang có xu hướng tăng lên nhưng do nguồn cung tàu hiện có đang khá cao đã khiến cho mức cước giảm xuống và hiện tại cước đã giảm 15 điểm ở mức Td 20 từ ngày 31 tháng 12. Thị trường đang mong đợi các hoạt động được tăng lên tại khu vực West Africa và hạn chế số lượng tàu VLCC sẵn có để góp phần đẩy mức cước đi lên. Đồng thời, trên tuyến Bsea/Med chúng ta đang chờ đợi điều tương tự xảy ra do sự trì hoãn khi đi qua Turkish strait đang tăng lên. Cước cho tàu Aframax tại khu vực Baltic hiện đang ở mức WS 140, chính từ việc khấu trừ thuế xuất khẩu của Russia có hiệu lực từ tháng 1 đã khiến cho nhiều tàu di chuyển ra khỏi khu vực Baltic. Ngoài ra, sự xuất hiện của mùa băng tuyết cũng đã gây tác động lên mức cước, mặc dù hiện tại băng đã tan do thời tiết đang dần đi vào ổn định, nhưng không có người thuê tàu nào muốn mạo hiểm khai thác tàu ở những khu vực trên. Thị trường tàu Aframax trên tuyến Med/Bsea rất ảm đạm kể từ trước khi bước vào kì nghỉ lễ, áp lực đang đè nặng lên giá cước và hiện tại cước đã giảm xuống mức WS 90. Tuy nhiên, tại thời điểm các giao dịch hàng hoá đang dần được hồi phục thì chúng ta được chứng kiến một số lượng lớn các tàu đang sẵn sàng để tham gia vào thị trường.

Thị trường dầu thành phẩm: Kể từ khi năm mới được bắt đầu, chúng ta đã chứng kiến một thị trường hỗn hợp ở cả hai phía Đông và Tây của kênh Suez. Các giao dịch thuê tàu định hạn khá trầm lắng trong suốt kì nghỉ lễ, tuy nhiên cước vẫn được duy trì ở mức ổn định.

Thị trường tàu Suez ở khu vực phía Đông: Một tuần khá bận rộn cho những kế hoạch năm mới của tàu LR2 tại khu vực phía Đông. Mặc dù thị trường vẫn đang trong tình trạng ổn định nhưng cước trong tuần qua vẫn tiếp tục giảm xuống, nguyên nhân do dư thừa một lượng nguồn cung tàu sẵn có từ thời điểm cuối năm. Trong suốt kì nghỉ lễ, tàu LR1 đã có một bước đà tăng trưởng, mặc dù thị trường khá trầm lắng trong tuần, nhưng cước vẫn được duy trì ở mức ổn định. Điều đáng chú ý là hiện tại sự chênh lệch mức cước giữa hai phân khúc LR1 và LR2 là 35 điểm nghiêng về tàu LR1. Nhìn chung, cước tàu MR khai thác trên tuyến MEG/JPN hiện tại vẫn không thay đổi so với những ngày trước kì nghỉ lễ.

Thị trường tàu Suez ở khu vực phía Tây: Các giao dịch vẫn được duy trì ở mức ổn định đối với phân khúc tàu LR2 tại khu vực phía Tây, mức cước không thay đổi nhiều trong suốt những ngày nghỉ lễ và khoảng thời gian đầu năm mới. Hiện tại, giá nhiên liệu đang trên đà trượt dốc, tuy nhiên mức lợi nhuận của chủ tàu đang được tăng lên. Bên cạnh đó, cước tàu LR1 giảm xuống 25 điểm kể từ trước dịp nghỉ lễ, nhưng cước vẫn được đánh giá là ở mức tốt và được xem là ổn định. Thị trường tàu MR khá trầm lắng trong những tuần vừa qua với mức cước tới hai khu vực UKC và USG đều giảm. Đồng thời, với số lượng lớn tàu sẵn có ở cả hai bờ Atlantic đã gây áp lực lớn lên mức cước. Các giao dịch của thị trường tàu Handy đề tới khu vực Med và UKC cũng giảm bớt trong những ngày lễ, nhưng được đánh giá là có một điểm khởi đầu khá thuận lợi cho các chủ tàu.

Thống kê một số thông tin đáng chú ý trong tuần vừa qua:

Market	Voyages	Size	RATE			
			This Week	Last Week	Low 2014	High 2014
DIRTY (Spot WS)	MED/West	VLCC	35.0	34.0	35.0	35.0
	MED/Japan	VLCC	67.5	62.5	67.5	67.5
	WAF/USG	260,000	72.5	70.0	72.5	72.5
	Sidi Kerir / W Me	135,000	105.0	105.0	105.0	105.0
	UK / Cont	80,000	122.5	120.0	122.5	122.5
CLEAN (Spot WS)	MEG / Japan	75,000	92.5	97.5	92.5	92.5
	MEG / Japan	55,000	127.5	117.5	127.5	127.5
	Singapore / Japan	30,000	120.0	120.0	120.0	120.0
	Baltic T/A	60,000	135.0	145.0	135.0	135.0
	USG / UKC-Med	38,000	90.0	140.0	90.0	90.0

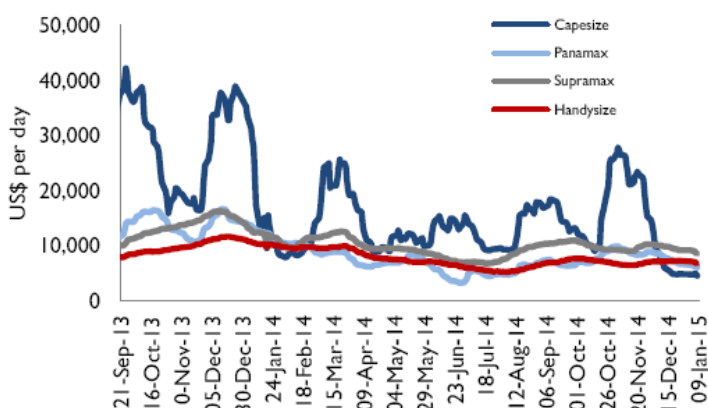
3.1 Thị trường thuê tàu hàng khô:

Tàu Panamax: Mặc dù đã có những đơn hàng tham gia vào thị trường sau những ngày nghỉ tết những vẫn không thể cứu vãn được sự trượt giá cước thuê tàu ở cả hai khu vực Atlantic and Far East. Chỉ số BPI giảm hơn 10% kể từ ngày kết thúc phiên làm việc năm cũ (24-Dec-2014) và hiện đang ở mức \$6,095. Cá biệt, ở Atlantic có nhiều người thuê tàu đã ký kết các tàu trước đó và thường ký với cước theo điều khoản giao tàu tại aps, đối với thuê tàu chuyến tuyến transatlantic chứng kiến một số giao dịch thành công như sau: Cargill đã chi ra \$10,250/ngày cộng thêm \$125K ballast để nhận ngay tàu Ghent Max (73,220 – 98) tại USG và trả tàu tại Egypt. Đối với chuyến fronthaul, Caravel đã chi ra \$12,750 cộng thêm \$275K ballast để nhận tàu Liberty Desire (81,572 – 13) tại USG vào ngày 25/30 tháng 1, trả tàu tại Singapore/Japan. Tại ECSA, cước dao động quanh mức \$12,000 – 12,300/ngày cộng với tiền ballast \$200K-\$250K đối với các chuyến đến Far East, trong khi đó đối với các tuyến transatlantic có tàu Tiger West (76,000 – 13) được Louis Dreyfus nhận tại aps Santos vào ngày 10/15 tháng 1 và trả tàu tại Skaw-Gibraltar với cước thuê \$10,000/ngày cộng thêm \$100K ballast. Tại East, chỉ có một vài hoạt động chuyến khép kín NoPac nào được ghi nhận, tuy nhiên mức khác sẽ là khác nhau phụ thuộc vào vị trí, điển hình như tàu Maritime Hareshio (75,740 – 06) được Dreyfus nhận ngay tàu tại Onaham vào với mức cước \$7,000/ngày, trả tàu tại Singapore/Japan, trong khi đó Glencore chỉ chi ra \$5,250 để nhận ngay tàu Maverick Guardian (82,739 – 12) tại Huanghua, trong khi đó Carvel cũng chi ra \$6,000/ngày cộng thêm \$220K để nhận tàu Hai Qing (73,288 – 00) nhận tàu tạo aps NoPac vào ngày 24/30 tháng 1.

Tàu Supra và Handy: Sự khởi động khá ịch của tuần đầu năm mới, cước tiếp tục giảm ở cả hai khu vực. Chỉ số BSI giảm \$912, còn \$8,361 và chỉ số BHSI giảm \$645, hiện còn \$6,676. Tại Atlantic, nguồn cung tàu tăng trong những ngày lễ đã khiến cho cước giảm, đơn cử như Cargill chỉ chi ra xấp xỉ \$12,000/ngày để nhận ngay tàu Genco Rhone (57,970 – 11) tại South Brazil chờ hàng đi Mediterranean. Cước chuyến fronthaul cũng giảm một số nơi từ trước giai đoạn nghỉ lễ, điển hình như Caravel nhận ngay tàu Atlantic Mexico (56,697 – 08) tại USG chờ hàng đi Singapore/Japan với cước xấp xỉ \$14,750. Cước thuê tàu tại Atlantic cũng bất thành lĩnh giảm, giá thuê tàu chuyến khứ hồi NoPac hiện đang được trả \$9,000/ngày cộng thêm \$300K ballast đối với tàu Supramax. Khu vực South East Asia, tình hình khá ảm đạm, tàu Shen Wang Hai (57,208 – 09) được nhận ngay tại Singapore để chờ hàng từ Indonesia đi Singapore với cước xấp xỉ \$7,750. Đối với những tàu có size nhỏ hơn tình trạng cũng tương tự, ảm đạm và chưa có dấu hiệu lạc quan. Oldendorff nhận tàu Charmey (34,275 – 11) tại Singapore vào ngày 08/09 tháng 1 để chờ hàng liên tục 2/3 chuyến, trả tàu tại Singapore/Japan, cước thuê 8,000/ngày.

Điểm lại một số giao dịch thuê tàu khô tuần qua:

Vessel	DWT	Built	Delivery	Date	Redelivery	Rate (\$)	Charterers	Comment
Liberty Desire	81,572	2013	USG	25/30 Jan	Spore-Japan	12,750	Caravel	+275K BB
Ocean Spirit	73,807	1999	Pssng Spore	05/10 Jan	India	6,500	PWSL	Via Indo
Sheng Wang Hai	57,208	2009	Spore	Ppt	China	7,750	CNR	Via Indo
Maroudio	56,020	2003	Aps NCSA	Mid Jan	Black Sea	15,500	Oldendorff	
GALINI	56,015	2005	S. Brazil	Ppt	Spore-Japan	11,100	Louis Dreyfus	+125K mn
Densa Falcon	28,433	2004	Pssng Spore	Ppt	EC India	9,000	Cargill	Via W.C Aus
Cape Flattery	28,433	2004	Paranagua	Ppt	NCSA	10,000	Fortuna Seaside	Via Brazil.



GIÁ THUÊ CHUYỂN TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 13/01/2015

Phân khúc	US\$/ngày	▼/▲
Capesize	5,387	
Panamax	6,082	
Supramax	8,135	
Small Handy	6,604	

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có LT LDT > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời	Tàu dầu
1	India	400	425
2	Bangladesh	395	420
3	Pakistan	390	420
4	Turkey	305	315
5	China	220	250

(đơn vị tính : usd/lt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 02/2015

Tên tàu	Nước phá dỡ	Giá (usd/lt ldt)	Loại tàu	Lt Ldt
ABM Leader	India	425 (with 125t bunkers ROB and spare prop)	Bulker	8085
The Benefactor	India	435 (with 340t bunkers ROB and spare prop)	Bulker	9438

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS

Mua – Bán Tàu

Email : snp@pioneershipbrokers.com.vn

Thuê Tàu

Email : chartering@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiêu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.